| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THANH HÓA**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 26/4/2023
V/v: Ly hôn.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tân
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Khắc Kiếm
2. Ông Nguyễn Văn Quý

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa*** tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/ QĐXX- ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H - Sinh năm 1969 "Có mặt"
Địa chỉ: Thôn S, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Khắc T - Sinh năm 1962 " Vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn S, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Đoàn Khắc T tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả Do mâu thuẫn căng thẳng nên ông bà đã sống ly thân. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đoàn Khắc T, do ông bà không có đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Toà án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con: Bà Hường và ông Thiện có 02 con chung là cháu Đoàn Thị Hương, sinh ngày 16/6/1990 và cháu Đoàn Khắc Thanh, sinh ngày 10/10/1991. Cả hai cháu đã thành niên.

Về tài sản, công nợ: Bà Hường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Đoàn Khắc T theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên hoà giải mặc dù đã nhận được các thông báo hợp lệ.

Tại biên bản thu thập chứng cứ địa phương xác nhận: Ông T và bà Hường kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản pháp luật cho ông T nhưng không có nhà trong giờ hành chính, ông T thường đi làm về lúc đêm muộn, Tòa án đã thông báo cho trưởng phố và trưởng phố có trách nhiệm giao giấy tờ cho ông T, ông T đã nhận đủ các giấy tờ, văn bản tố tụng, việc ông T có đến Tòa án để làm việc hay không địa phương không nắm được. Nay bà H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử không công nhận bà H và ông T là vợ chồng; bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] ***Về tố tụng***: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đoàn Khắc T lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Hường đề nghị Tòa án tiến hành xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]***Về hôn nhân:*** Bà Lê Thị H và ông Đoàn Khắc T chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn, việc ông bà chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật HNGĐ.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân, mặc dù Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để hòa giải về các mối quan hệ trong hôn nhân nhưng ông Thiện không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, bà H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do, mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng không thể hòa hợp được, các con của bà đã thành niên, còn về vấn đề tài sản bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy giữa bà H và ông T trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà H có đơn xin ly hôn, do ông bà không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật HNGĐ để xử không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

**[3]Về con**: Bà H và ông T có 02 con chung là cháu Đoàn Thị H, sinh ngày 16/6/1990 và cháu Đoàn Khắc Th, sinh ngày 10/10/1991. (Cả hai cháu đều đã thành niên).

[4] ***Về tài sản và nợ chung:*** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5]** ***Về án phí:*** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, bà Hường phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng***: Khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

***Về hôn nhân***: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Đoàn Khắc T là vợ chồng.

***Về con***: Công nhận cháu Đoàn Thị H, sinh ngày 16/6/1990 và cháu Đoàn Khắc Th, sinh ngày 10/10/1991 là con chung của bà H và ông Th( cả hai cháu đều đã thành niên).

***Về tài sản và công nợ***: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

***Án phí***: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002458 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (bà Hường đã nộp đủ án phí).

Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đoàn khắc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Lê Thị Tân**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ .